



ULTRAFLEX SA

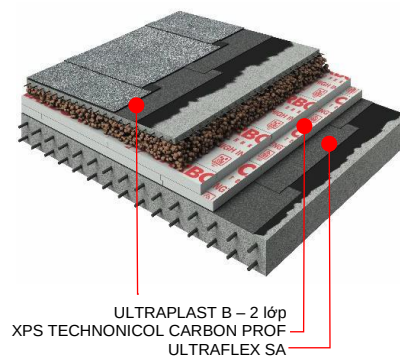
Màng tự dính bitum biến tính SBS được gia cường bằng polyester

MÔ TẢ:

Màng tự dính bitum biến tính SBS được gia cường bằng polyester ULTRAFLEX SA được thiết kế để hoàn thiện ứng dụng cho độ an toàn. Nó được sử dụng như một lớp vật liệu lót đặt trên những mái nhà dốc và hoạt động với vai trò như một màng ngăn hơi nước. Nhờ có hợp chất bitum kết dính đặc biệt, mà vật liệu này có thể được sử dụng trên các bề mặt bị cấm sử dụng phương pháp khô nhiệt tiêu chuẩn (trên mặt nền của nhựa polystyrene giãn nở / đùn ép hoặc mặt nền bằng gỗ).

ƯU ĐIỂM:

- Độ bền được tăng thêm nhờ được gia cường bằng polyester;
- Có thể được sử dụng trên các mặt nền bị cấm sử dụng phương pháp khô nhiệt tiêu chuẩn (mặt nền bằng gỗ, ván OSB, XPS, v.v.);
- Tốc độ thi công nhanh;
- Thi công an toàn và tiết kiệm chi phí – màng được thi công lắp đặt mà không sử dụng khí đốt và khô lửa;
- Không cần thêm bất kỳ thiết bị và kỹ năng bổ sung nào khác;
- Phương pháp ứng dụng lạnh giúp ngăn khói, mùi và tiếng ồn;
- Có sẵn 2 loại vật liệu ở bề mặt trên cùng: màng phim polyme hoặc cát hạt mịn – thuận tiện cho việc thi công lắp đặt tùy theo khu vực thi công.

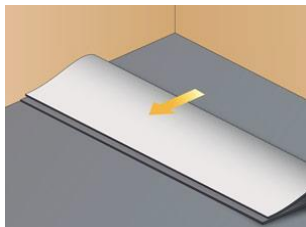


LẮP ĐẶT:

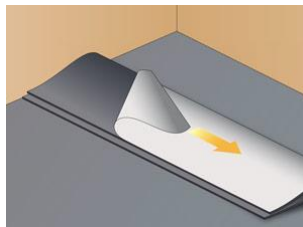
■ MẶT PHẪNG



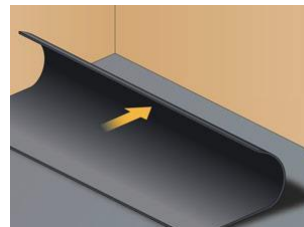
Lắp và làm phẳng màng lên bề mặt đã được xử lý bằng sơn lót bitum.



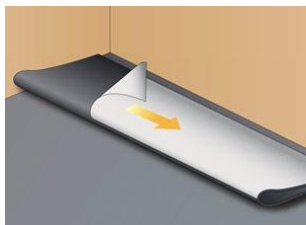
Gấp màng một nửa chiều rộng của nó (50 cm) và cắt sẵn màng bảo vệ.



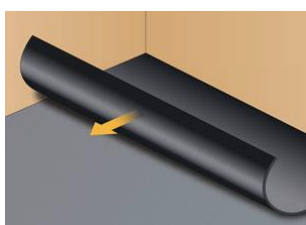
Loại bỏ màng chống bám dính silicone khỏi nửa đầu của màng.



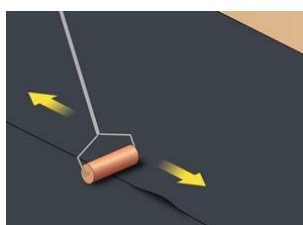
Trải phần màng đã gấp lại lên bề mặt với mặt dính hướng xuống dưới.



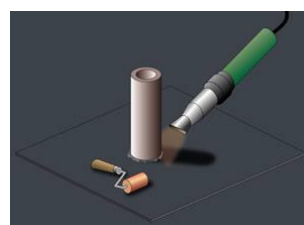
Gấp cuộn từ phía đối diện và loại bỏ phần còn lại của màng silicon..



Trải phần màng còn lại lên bề mặt.



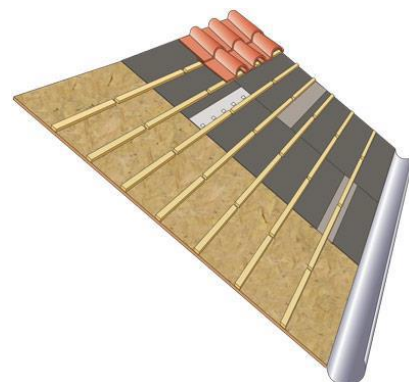
Lớp chồng dọc – 80-100 mm.
Lớp chồng cuối – 150 mm.
Các lớp chồng phải được ép bằng con lăn nặng.



Để tạo điều kiện cho sự bám dính của màng trên các linh kiện lân cận, hãy sử dụng máy sấy khí nóng.

MÁI DỐC:

- Nếu bề mặt thi công liên tục và được làm bằng ván ép hoặc tấm OSB, thì không cần sử dụng lớp sơn lót do hàm lượng ẩm còn lại trong chất nền thấp.
- Cán mỏng và lắp màng lên toàn bộ bề mặt. Màng được kéo căng vuông góc với mái hiên với các lớp chồng lên nhau theo chiều dọc là 8 cm và các lớp chồng ở cuối tấm là 15 cm.
- Sau khi căn chỉnh và kéo căng màng, loại bỏ màng silicone chống bám dính ở mặt dưới và dán màng lên bề mặt với lực đều.
- Phải cố định màng bằng đinh ở các lớp chồng lên nhau theo phương pháp cơ học, cứ mỗi 10 cm thì dùng đinh đóng vào các lớp chồng lên nhau, cách mép màng 4 cm.
- Sau đó, các lớp chồng lên nhau ở cuối được liên kết bằng keo matit.



LƯU Ý: Khi màng tự dính được sử dụng để bịt kín mép, vị trí của các tấm phải vuông góc với đường máng xối. Trong mọi trường hợp, nên buộc chặt cơ học bằng đinh đầu lớn hoặc neo bằng vòng đệm kim loại ở những vị trí lớp chồng được phủ bằng lớp màng sau.

HIỆU SUẤT ĐƯỢC KHAI BÁO:

Đặc điểm thiết yếu	Phương thức kiểm tra	Hiệu suất	Đặc điểm thiết yếu	Phương thức kiểm tra	Hiệu suất
Bảo vệ mặt trên	-	phim polyme hoặc cát	Điểm làm mềm, °C	ASTM D36	≥+100
Bảo vệ mặt dưới	-	phim chống dính	Tính linh hoạt ở nhiệt độ thấp, °C	EN 1109-1	≤-20
Chiều dài, m	EN 1848-1	≥20.0	Khả năng chống chảy ở nhiệt độ cao, °C	EN 1110	≥+90
Chiều rộng, m	EN 1848-1	≥1.0	Độ kín nước ở 0,1 MPa trong 24 giờ	EN 1928	Vượt qua
Độ thẳng	EN 1848-1	≤10 mm / 5 m	Hiệu suất chữa cháy bên ngoài	EN 13501-5	Froof
Khối lượng trên đơn vị diện tích, kg/m ²	EN 1849-1	1.8±0.20 2.3±0.20	Phản ứng với lửa	EN 13501-1	Euroclass E
Độ dày, mm	EN 1849-1	1.5±0.20 2.0±0.20	Ổn định kích thước,%	ASTM D5147	1,0
Loại hãng vận chuyển	-	polyester	Độ bám dính của hạt, %	EN 1850-1	Vượt qua
Đặc tính chịu kéo: lực kéo lớn nhất L/T, N/50mm	ASTM D5147	400±100 / 300±100	Khả năng chống bong tróc của mối nối: lớp chồng/ lớp chồng lên phim, N/50 mm	EN 12316-1	50±10/20±5
Tính chất chịu kéo: độ giãn dài L/T, %	ASTM D5147	35±20 / 35±20	Đặc tính truyền hơi nước	EN 1931	μ=20000
Độ bền L/T, N	ASTM D4073	≥100 / ≥100	Các chất nguy hiểm	Không chứa các chất nguy hiểm	

Chú thích: L/T – Dọc/Ngang (Longitudinal / Transverse); NPD – Không xác định hiệu suất (No Performance Determined).
Hạn sử dụng nếu đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về bảo quản: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.